

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-5-2022

V/v ly hôn và tranh chấp
về quyền nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Minh Hùng
2. Bà Nguyễn Thị Kim Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố TB, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Đoàn Đức K, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số X, ấp BT, xã BTĐ, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị Đ trình bày: Bà và ông Đoàn Đức K xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BTĐ ngày 28/02/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, đến thời gian gần đây thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói

chung. Bà và ông K đã không còn chung sống từ đầu năm 2021 cho đến nay. Vì nhận thấy vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng đã không còn, cả hai không có ý muốn hàn gắn tình cảm nên bà làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Đoàn Đức K.

Về con chung: Bà và ông Đoàn Đức K có 02 con chung tên Đoàn Thị AH, sinh ngày 05/9/2005 và Đoàn Thị NP sinh ngày 11/5/2008, hiện cả hai con đang sống với ông K. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cả hai con chung cho ông Đoàn Đức K trực tiếp nuôi dưỡng, bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông K không có tài sản chung và cũng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông Đoàn Đức K vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án và không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không có yêu cầu khác và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Vụ án đã được Tòa án công khai chứng cứ, không tiến hành hòa giải được vì lý do nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị Đ vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đoàn Đức K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đặng Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đoàn Đức K và có tranh chấp về quyền nuôi dưỡng con chung, bị đơn ông Đoàn Đức K hiện đang cư trú tại xã BTĐ, huyện T, tỉnh Long An. Vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Ly hôn và tranh chấp về quyền nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn ngày 10/3/2022 đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn ngày 10/3/2022 yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Đ xin ly hôn với ông Đoàn Đức K, thấy rằng: Bà Đặng Thị Đ và ông Đoàn Đức K tự nguyện

chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30/04 đăng ký ngày 28/02/2004 tại Ủy ban nhân dân xã BTĐ, huyện T, tỉnh Long An cho nên quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông K được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Theo bà Đ trình bày, giữa bà và ông K có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã không còn chung sống từ đầu năm 2021 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay ông K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông K đều vắng mặt và không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đ. Như vậy chứng tỏ ông K cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà Đ. Vì vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đ và ông K là có phát sinh trên thực tế, vợ chồng đã không còn chung sống, không còn quan tâm đến nhau, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đặng Thị Đ là có cơ sở nên được chấp nhận là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà Đ và ông K có 02 con chung tên Đoàn Thị AH, sinh ngày 05/9/2005 và Đoàn Thị NP sinh ngày 11/5/2008, hiện cả hai con đang sống với ông K. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cả hai con cho ông Đoàn Đức K trực tiếp nuôi dưỡng. Yêu cầu của bà Đ cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu AH và cháu NP theo Bản tường trình của Đoàn Thị AH và Đoàn Thị NP ngày 10/3/2022 và cũng phù hợp với quy định tại các Điều 58 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, bà Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền ngăn cản. Về mức cấp dưỡng nuôi con, bà Đ yêu cầu bà không phải cấp dưỡng nuôi con, ông K vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu về mức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn, bà Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ trình bày trong quá trình chung sống bà và ông K không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung. Vì bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà Đặng Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 207, Điều 208, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Đ về “Ly hôn và tranh chấp về quyền nuôi con” đối với ông Đoàn Đức K.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Đ được ly hôn với ông Đoàn Đức K.

Về con chung: Ông Đoàn Đức K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Thị AH, sinh ngày 05/9/2005 và Đoàn Thị NP sinh ngày 11/5/2008; bà Đặng Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định của pháp luật.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Đặng Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007206 ngày 10 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ tỉnh Long An, bà Đ đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- UBND xã BTĐ, huyện T, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Hoàng Dung